QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM CHỌN LỌC (VFMVSF)
- QUỸ VFMVSF -
---o0o---

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ **4**
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA **5**
CHƯƠNG I **8**
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG **8**
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ 8
Điều 2. Mục đích của Quỹ 8
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức 8
Điều 5. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ chào bán 9
Điều 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ 9
Điều 7. Công ty quản lý quỹ 9
Điều 8. Ngân hàng giám sát 9
CHƯƠNG II **9**
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ **9**
Điều 9. Mục tiêu đầu tư 9
Điều 10. Chiến lược đầu tư 9
1. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư: 10
2. Lĩnh vực đầu tư: 10
Điều 11. Hạn chế đầu tư 10
Điều 12. Hạn mức vay 11
Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư 11
CHƯƠNG III **12**
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ **12**
Điều 14. Nhà đầu tư 12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư 12
Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư 12
Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ 13
Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ 14
Điều 19. Giá phát hành, giá mua lại 15
Điều 20. Thừa kế chứng chỉ quỹ 15
CHƯƠNG IV **15**
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ **15**
Điều 21. Đại hội nhà đầu tư 15
Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường 16
Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư 16
Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư 16
Điều 25. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư 16
Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư 17
CHƯƠNG V **17**
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ **17**
Điều 27. Ban đại diện Quỹ 17
Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ 18
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ 18
Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ 19
Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ 20
Điều 32. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ 20
Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ 20
CHƯƠNG VI **21**
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ **21**
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ 21
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 21
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 23
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ 24
CHƯƠNG VII **25**
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT **25**
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát 25
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát 25
Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát 26
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát 27
CHƯƠNG VIII **28**

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN **28**
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền 28
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 28
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 28
Điều 45. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 29
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 29
CHƯƠNG IX **30**
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI **30**
Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở 30
Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối 30
Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ 31
CHƯƠNG X **31**
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO **31**
Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán 31
Điều 51. Năm tài chính 32
Điều 52. Chế độ kế toán 32
Điều 53. Báo cáo tài chính 32
Điều 54. Báo cáo khác 32
CHƯƠNG XI **32**
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ **32**
Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 32
Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 33
Điều 57. Quy trình định giá tài sản quỹ 36
Điều 58. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ 37
Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 37
CHƯƠNG XII **37**
THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN **37**
Điều 60. Thu nhập của quỹ 37
Điều 61. Phân phối lợi nhuận 37
CHƯƠNG XIII **37**
GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG **37**
Điều 62. Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả 37
Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả 38
Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ 40
CHƯƠNG XIV **41**
TÁI CƠ CẤU QUỸ **41**
Điều 65. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập 41
Điều 66. Các điều kiện tách quỹ 41
Điều 67. Các điều kiện giải thể Quỹ 41
CHƯƠNG XV **41**
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH **41**
Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ 41
CHƯƠNG XVI **42**
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ **42**
Điều 69. Công bố thông tin 42
Điều 70. Thay đổi điều lệ 42
Điều 71. Đăng ký điều lệ 42
Điều 72. Điều khoản thi hành 43

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 44
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 45
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 46

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc"	(Sau đây gọi tắt là Quỹ VFMVSF) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
"Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam – Dragon Capital VietFund Management (DCVFM)"	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ DCVFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN, của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ DCVFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý quỹ VFMVSF, có quyền và nghĩa vụ theo quy đinh tại Chương VI của Điều lệ này.
"Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank"	(Sau đây gọi tắt là Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0301103908 ngày 13/01/1992 cấp bởi Sở Kế hoạch đầu tư TP. HCM, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ DCVFM.
"Dragon Capital Management Limited"	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ DCVFM.
"Ngân hàng giám sát và lưu ký"	Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Standard Chartered) Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài , thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán"	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ VFMVSF, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VFMVSF và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
"Điều lệ quỹ VFMVSF"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ DCVFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ VFMVSF.

"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ VFMVSF.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ VFMVSF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ VFMVSF.
"Ban đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ VFMVSF, Công ty quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
"Đơn vị Quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ VFMVSF"	(Sau đây gọi là Chứng chỉ) là loại chứng khoán do Công ty quản lý quỹ DCVFM đại diện cho Quỹ VFMVSF phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ VFMVSF theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
"Giá bán/ giá phát hành"	Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ này.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ này.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
"Giá dịch vụ phát hành lần đầu"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ này được cộng vào mệnh giá, được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVSF.
"Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ tại những kỳ giao dịch tiếp theo. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVSF.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch được quy định tại Điều lệ này.
"Ngày đóng Quỹ"	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ VFMVSF theo quy định của pháp luật hiện hành, được áp dụng cho đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.
"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ VFMVSF sẽ được tính từ

	ngày Quỹ VFMVSF được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ VFMVSF sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ VFMVSF tại thời điểm định giá.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ DCVFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVSF. Ngày định giá là ngày thứ Tư hàng tuần. Ngày định giá là ngày làm việc. Trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ lễ, thì Ngày Định Giá sẽ là ngày làm việc liền trước ngày nghỉ lễ đó.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ DCVFM thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm đóng sổ lệnh. Ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVSF là vào Ngày Định Giá.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h30 phút ngày T-1, trong đó ngày T là ngày định giá và ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ, Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao

	dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính; - Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; - Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
Đại lý phân phối	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở.
Đại lý ký danh	Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sổ phụ.
"Người có liên quan"	Theo Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan

Chương I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đại chúng:	QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM CHỌN LỌC (VFMVSF)
Tên tiếng Anh:	VIETNAM SELECT EQUITIES INVESTMENT FUND
Tên viết tắt:	Quỹ VFMVSF
Địa chỉ liên hệ:	Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	(84-28) 38251488
Fax:	(84-28) 38251489
Website:	www.dcvfm.com.vn

Điều 2. Mục đích của Quỹ

Quỹ VFMVSF được quản lý bởi Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) theo cơ chế quỹ mở với mục đích tìm kiếm sự tăng trưởng về vốn và thu nhập từ cổ tức trong dài. Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phần của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có nền tảng cơ bản tốt và kỳ vọng tăng trưởng bền vững.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ VFMVSF là quỹ đại chúng dạng mở hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, và hệ thống luật pháp hiện hành và các quy định trong bản Điều lệ này.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ VFMVSF có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ VFMVSF là Đại hội Nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ VFMVSF sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ VFMVSF, Công ty quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng giám sát.

5. Công ty quản lý quỹ DCVFM được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ VFMVSF.

Điều 5. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ VFMVSF do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Nhà đầu tư/ người được nhà đầu tư ủy quyền góp vốn bằng tiền Việt Nam Đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ VFMVSF mở tại ngân hàng giám sát.
2. Vốn tối thiểu dự kiến huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ VFMVSF là năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành năm (05) triệu đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.

Điều 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

1. Quỹ VFMVSF chỉ định Công ty quản lý quỹ DCVFM làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành chứng chỉ Quỹ VFMVSF.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ DCVFM được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ VFMVSF ra công chúng.

Điều 7. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ DCVFM là một Công ty Cổ phần với cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty quản lý quỹ DCVFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ VFMVSF. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

Công ty quản lý quỹ DCVFM có trụ sở chính tại:

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 38251488 Fax: (84-28) 38251489
Website: www.dcvfm.com.vn

Và chi nhánh tại:

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 39428168 Fax: (84-24) 39428169

Điều 8. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này

Văn phòng chính: P1810 - P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam (Ngân Hàng)
Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 3248 4355

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVSF là tìm kiếm sự tăng trưởng về vốn và thu nhập từ cổ tức trong dài hạn. Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phần của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có nền tảng cơ bản tốt và kỳ vọng tăng trưởng bền vững.

Điều 10. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng. Quỹ sẽ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề. Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội đầu tư đến từ xu hướng tăng trưởng dài hạn của cơ cấu dân số, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế sang tư nhân và cổ phần hóa, và sự cải thiện về quản trị

doanh nghiệp và quy định pháp lý minh bạch theo chuẩn mực quốc tế. Danh mục chứng khoán của quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.
Các công ty mà quỹ đầu tư sẽ có tất cả hoặc một số đặc điểm chính sau:

- Lợi thế cạnh tranh bền vững
- Ban quản lý, điều hành giàu kinh nghiệm
- Khả năng tạo đột biến trong tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận
- Công ty đầu ngành và/hoặc công ty đang có thị phần tăng trưởng
- Công ty được hưởng lợi từ các xu hướng vĩ mô tăng trưởng trong dài hạn
- Tình hình tài chính lành mạnh
- Cơ cấu vốn chủ sở hữu và vốn vay hợp lý
- Khả năng mở rộng lợi nhuận biên
- Quản trị minh bạch
- Định giá hợp lý.

1. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:

Quỹ VFMVSF được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau:

a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, kể cả các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính;
d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
e) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
f) Quyền và các tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ; Trường hợp quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; thì việc đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:
   - Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
   - Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
g) Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trong các loại tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định pháp luật nêu trên, tài sản quỹ đầu tư sẽ tập trung chủ yếu:

- Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch tại Việt Nam.
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại.

2. Lĩnh vực đầu tư:

Quỹ sẽ đầu tư vào tất cả ngành nghề mà pháp luật Việt Nam cho phép, phù hợp với chiến lược và đầu tư của Quỹ.

Điều 11. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của quỹ VFMVSF phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 10 Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VFMVSF bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
   a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ không được nắm giữ quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 10 Điều lệ này;
   b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm a, b, d, e, f Khoản 1 Điều 10 Điều lệ này phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 56 Điều lệ này;
   c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả tiền gửi, các loại giấy tờ có giá,

công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;

d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
e) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ;
f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các Khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
g) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

3. Trừ trường hợp quy định tại Điểm f, g, h Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ mở được phép sai lệch so với các hạn chế quy định tại Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:
   a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
   b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
   c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
   d) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
   e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
   f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 10 Điều lệ này phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 12. Hạn mức vay

1. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 Điều lệ này.
2. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ VFMVSF để ký quỹ thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ VFMVSF được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (bottom-up) làm nguyên tắc chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, đánh giá tính bền vững và rủi ro của từng khoản đầu tư để đến quyết định đầu tư. Quỹ cũng kết hợp cách tiếp cận từ trên xuống (top-down) thông qua phân tích vĩ mô tổng quan nền kinh tế nhằm phân bổ tài sản hợp lý ở từng thời điểm cụ thể.

Chương III
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 14. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ VFMVSF có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu chứng chỉ quỹ VFMVSF. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ VFMVSF mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư là pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:
   a) Được chia lợi nhuận của Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư dựa trên cơ sở quy định tại Điều 61 của Điều lệ này.
   b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số đơn vị Quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
   c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt quỹ mua lại chứng chỉ quỹ hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ (nếu có).
   d) Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ.
   e) Được ứng cử và bầu vào Ban đại diện Quỹ VFMVSF khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.
   f) Quyết định cùng với Đại hội Nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 23 của Điều lệ này;
   g) Các quyền khác theo quy định pháp luật về chứng khoán.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:
   a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
   b) Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVSF như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ.

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký nhà đầu tư từ khi Quỹ VFMVSF hoàn tất chuyển đổi việc quản lý tài khoản và sở hữu chứng chỉ quỹ VFMVSF cho nhà đầu tư. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ VFMVSF có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
   Sổ chính, sổ phụ nhà đầu tư phải có các nội dung sau:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;
   b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ; thông tin nhà đầu tư:
      i. Đối với cá nhân: Họ và tên nhà đầu tư, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, mã số giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài), địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
      ii. Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, mã số giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài); họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu (đối với người được ủy quyền không mang quốc tịch Việt Nam) còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ.
   c) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư; hoặc số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
   d) Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
   e) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.
2. Công ty quản lý quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh.Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

3. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và công ty quản lý quỹ.

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.
2. Ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVSF là vào Ngày Định Giá.
   Việc tăng tần suất giao dịch (nếu có) sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo cụ thể trên trang thông tin điện tử của công ty và được cập nhật tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không thấp hơn tần suất giao dịch tối thiểu theo quy định pháp luật.
3. Phân phối chứng chỉ quỹ tại các đợt phát hành
   a) Lệnh mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư
      - Giá trị mua tối thiểu cho lần phát hành đầu tiên của Quỹ là hai mươi triệu (20.000.000) đồng và cho các lần mua chứng chỉ quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo là một tỷ (1.000.000.000) đồng.
      - Nhà đầu tư/ người được nhà đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi.
      - Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua x (1- Giá dịch vụ phát hành(\%))}}{\text{NAV của đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch}}$$

      - Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
      - Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, hoặc các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
      - Quy trình nhận và thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
   b) Lệnh bán chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư
      - Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán không được thấp hơn hai ngàn (2000) đơn vị quỹ và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch phải lớn hơn hoặc bằng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là hai ngàn (2000) chứng chỉ quỹ, ngoại trừ các giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được định nghĩa tại Bản cáo bạch.
      - Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.
      - Nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán theo quy định của pháp luật.
      - Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh bằng tiền Việt Nam Đồng. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu.
      - Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

$$\textit{Giá trị Bán được nhận} = \textit{Số lượng CCQ được mua lại} \times \textit{NAV của đơn vị quỹ} \text{ sử dụng } \textit{tại ngày giao dịch x (1– Giá dịch vụ mua lại(\%))}$$

      - Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, hoặc các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
      - Quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

c) Lệnh chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở
- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
- Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở, quy trình nhận và thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

4. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)
- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ quỹ VFMVSF cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Nhà đầu tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
- Việc thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại sẽ được quy định tại Bản cáo bạch.
- Nhà đầu tư/ người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

5. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo Điều lệ này.

Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
- Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ VFMVSF bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Đối với việc đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:
- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của nhà đầu tư theo quy định tại Điều này. Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại từ nhà đầu tư trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$Xi = SLDKi * \frac{SLTT}{\sum SLDKi}$$

Trong đó:
Xi: số lượng chứng chỉ quỹ thực tế của nhà đầu tư i được thực hiện (hay số lượng chứng chỉ quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
SLDKi: số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đăng ký bán
SLTT: tổng số lượng chứng chỉ quỹ mà công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của nhà đầu tư
$\sum SLDKi$: tổng số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán.
- Cách thức giải quyết đối với các phần lệnh chưa được thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

- Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư.

3. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
   - Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
   - Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
   - Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.
4. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 3 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
5. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.
6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
7. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

Điều 19. Giá phát hành, giá mua lại

1. Giá phát hành tại đợt chào bán đầu tiên và tại các kỳ giao dịch tiếp theo là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá phát hành này được xác định bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ tại các đợt chào bán đầu tiên và tại các kỳ giao dịch tiếp theo.
2. Giá mua lại là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại.
3. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại được quy định tại chương XIII của Điều lệ này.

Điều 20. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế cho công ty quản lý quỹ hoặc các tổ chức được ủy quyền.

Chương IV
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ VFMVSF. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gởi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).
3. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư hàng năm và Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.

Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường

1. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau:
   a) Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
   b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tính tới thời điểm triệu tập đại hội.
2. Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký đầy đủ của các nhà đầu tư liên quan.

Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên của Ban đại diện Quỹ;
2. Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
3. Tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
4. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ;
5. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát; phương án phân phối lợi nhuận;
6. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ;
7. Quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
8. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
9. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
10. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;
11. Quyết định tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, tách quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
12. Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được công bố cho nhà đầu tư theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất 21 ngày trước khi tiến hành Đại hội.
2. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành. Hình thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:
   - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   - Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác;
   - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
4. Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
6. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

Điều 25. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức điện tử khác.
3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.
4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
   a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
   b) Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ.

   Quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.
6. Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại Khoản 4 Điều này, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và cung cấp cho nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ.
8. Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với Điều này, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về việc các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; chia, tách, giải thể quỹ, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác cùng loại hình của công ty quản lý quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng xác định tại ngày họp đại hội nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ VFMVSF do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư.
2. Ban đại diện Quỹ VFMVSF có từ ba (03) đến bảy (07) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diên quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Trong ban đại diện quỹ phải có:

a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

4. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
6. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, trong thời hạn 15 ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện Quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
7. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn, không nhất thiết phải là nhà đầu tư của quỹ. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
2. Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
   a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
   b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý quỹ, thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ;
4. Giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
6. Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;
7. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
8. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
9. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 10 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài

sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;

10. Có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
11. Kiến nghị việc thay đổi Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát;
12. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật; Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;
13. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ (không bao gồm chức danh Chủ tịch Ban đại diện Quỹ);
14. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hàng năm, hàng quý của Quỹ;
15. Ban đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
    a) Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ nhà đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
    b) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho nhà đầu tư vay tiền;
    c) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
    d) Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
16. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
17. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
18. Trên hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường;
19. Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định.;
20. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
21. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định;
22. Ngoại trừ vấn đề quy định tại Khoản 5 Điều 23 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ này nếu được Đại hội nhà đầu tư gần nhất ủy quyền;
23. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 22 Điều này, Ban đại diện, thông qua công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của ban đại diện quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
24. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng.

Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
d) Ban hành Thông báo việc đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên quy định tại Khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

Điều 32. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
   a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này;
   b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
   c) Có đơn từ chức, và được chấp thuận.
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
   b) Bị khởi tố hoặc truy tố;
   c) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 5 ngày.
5. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp và từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
6. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
7. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
8. Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ.
9. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

Chương VI
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:
   a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của quỹ.
   b) Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của quỹ, thay mặt cho quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
   c) Khi quản lý tài sản của quỹ, công ty quản lý quỹ phải:
      i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát;
      ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được ban đại diện quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ;
      iii. Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho quỹ; công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
      iv. Tách biệt tài sản của quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
      v. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của quỹ;
      vi. Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ;
      vii. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.
   d) Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho quỹ, cho khách hàng ủy thác khác

và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

e) Trong hoạt động quản trị quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
   i. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, điều lệ quỹ;
   ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư.

f) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động công ty quản lý quỹ và các quy định tại Điều lệ quỹ.

g) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng giám sát để ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát.

h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ thì công ty quản lý quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho quỹ.

i) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và điều lệ quỹ.

j) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.

k) Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho quỹ, nhà đầu tư vào quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
   - Công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho quỹ trong các trường hợp quy định tại Điểm k Khoản này.

l) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.

m) Trường hợp quỹ là nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.

n) Việc sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu điều lệ quỹ có điều khoản

cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, công ty quản lý quỹ phải được đại hội nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

o) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
   i. giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá chứng khoán trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ; và
   ii. giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ.

p) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

q) Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
   i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;

r) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:
   a) Lựa chọn ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Điều lệ này;
   b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ uỷ quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của nhà đầu tư vào Quỹ;
   c) Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
   d) Được thay mặt, đại diện cho quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của pháp luật;
   e) Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà quỹ là cổ đông, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kỳ ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;
   f) Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với đại lý phân phối chứng chỉ quỹ;
   g) Được hưởng các khoản giá dịch vụ, phí được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
   h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
   i) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;
   j) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Theo yêu cầu của Đại hội Nhà đầu tư;
   b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
   c) Tự nguyện chấm dứt hoạt động;
   d) Công ty quản lý quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty quản lý quỹ khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
3. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ

   Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi công ty quản lý quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty quản lý quỹ
2.0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

   NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho công ty quản lý quỹ là NAV bình quân của NAV ngày cuối tháng của 12 tháng liên tục liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ đã được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho công ty quản lý quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

   Nếu Đại hội Nhà đầu tư quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ vì lý do vi phạm các qui định pháp luật và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho công ty quản lý quỹ khoản phí nêu trên.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Trừ trường hợp tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý theo đúng quy định pháp luật và những trường hợp khác theo luật định, công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.
3. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ.
4. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
   a) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
   b) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do công ty quản lý quỹ quản lý;
   c) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
   d) Không được sử dụng tài sản của quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

      Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật
   e) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái

phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

5. Công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
   a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hành ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
   b) Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Chương VII
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Ngân hàng Giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:
   a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
   b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
   c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
   d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
   e) Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của công ty quản lý, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và những tài sản của ngân hàng giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
   f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
   g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
   h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều

lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban chứng khoán nhà nước;

i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;

j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

k) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ quỹ;

l) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do công ty quản lý quỹ lập hoặc do Tổ chức được công ty quản lý quỹ ủy quyền lập;

m) Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;

n) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;

o) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản giá dịch vụ, phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

2. Quyền của ngân hàng giám sát

a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:

a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bảo gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

Trường hợp tài sản có đăng ký sở hữu thì phải được đăng ký, ghi nhận dưới tên của quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của ngân hàng giám sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản của quỹ phải được lưu ký đầy đủ tại ngân hàng giám sát, trừ trường hợp là chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tập trung. Trường hợp là chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho quỹ chưa hoàn tất, hợp đồng mua bán gốc và giao dịch thanh toán mua phải được lưu ký tại ngân hàng giám sát.

Trường hợp tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho quỹ trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho ban đại diện quỹ.

Trường hợp là loại tài sản không có đăng ký sở hữu, ngân hàng giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của quỹ, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành.

Trường hợp là tiền gửi ngân hàng, ngân hàng giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu công ty quản lý quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ.

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;

e) Công ty quản lý quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản, và ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của công ty quản lý quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của công ty quản lý quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó;

f) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Ngân hàng giám sát có quyền kiểm tra công ty quản lý quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của quỹ, để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Ngân hàng giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Khoản 4 Điều này. Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của công ty quản lý quỹ, quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu bằng văn bản.

6. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư của quỹ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền đối với các dịch vụ dưới đây:

1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:
   - Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
   - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
   - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
   - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
   - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
   - Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
   - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
   - Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
   - Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
   - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
   - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.
   Tổ chức được công ty Quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.
2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.
   Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:
   Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
   a. Đối với dịch vụ quản trị:
      - Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
      - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
      - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
      - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
   b. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:
Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ;
4. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công ty quản lý quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
   b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
   c. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
   d. Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
   e. Quỹ bị giải thể;
   f. Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   g. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;

h. Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai Tổ chức có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

Chương IX
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:
   a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
   b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;
   c) Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
   d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ;
   e) Hỗ trợ công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;
   f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
   a) Làm đại lý ký danh;
   b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.
3. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuyếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ, phí đã được công bố tại các bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của công ty quản lý quỹ.

Chương X
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Khoản 23 Điều 29 Điều lệ này, Ban đại diện Quỹ thực hiện chọn công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

(i) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
(ii) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
(iii) Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư.
(iv) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.

Điều 51. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính bán niên /Các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 54. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XI
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
2. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc do Tổ chức được công ty quản lý quỹ ủy quyền lập và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định vào ngày định giá, có xác nhận của ngân hàng lưu ký, giám sát. Trong ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
5. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản

ròng được làm tròn theo quy định định của chế độ kế toán Quỹ mở. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.

Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày định giá:
   Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định vào thứ Tư hàng tuần (Ngày Định Giá). Trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ lễ, thì Ngày Định Giá sẽ là ngày làm việc liền trước ngày nghỉ lễ đó.
   Giá trị tài sản ròng tháng của quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp công ty quản lý quỹ tăng tần suất giao dịch (nếu có) thì các kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ được tăng tương ứng.
2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng
   Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ VFMVSF sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).
   Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế), Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng để định giá là bình quân gia quyền của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó (giá yết bình quân gia quyền); - Trong các trường hợp không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường, thì ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
6.	Trái phiếu không niêm yết	Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BĐD Quỹ phê duyệt tại ngày giao

		dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống sử dụng một trong các mức giá sau: • Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá; • Sử dụng phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.
7.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	Phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
8	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá xác định theo phương pháp đã được BĐD quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán ; Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. -Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Chứng khoán phái sinh		
12.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	- Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
14.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại Khoản 3 Điều này.
Các tài sản khác		

15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo các phương pháp được qui định của pháp luật cho phép.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
- Các phương thức định giá được chi tiết tại Sổ tay định giá.

- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được lấy đến 2 chữ số thập phân.

3. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

a. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

b. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn [1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta [2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn [3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3]Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Điều 57. Quy trình định giá tài sản quỹ

1. Trước ngày định giá:
   Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm :
   - Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
   - Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
   - Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ sẽ được ghi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;
   - Các nghiệp vụ phát hành thêm/ mua lại chứng chỉ Quỹ phát sinh sau ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của kỳ trước.
2. Tại ngày định giá:
   - Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng tính đến ngày trước ngày định giá;
   - Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng (nếu có), chi phí quản trị quỹ (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước ngày định giá;
   - Đối chiếu số dư tiền mặt tại ngân hàng lưu ký giám sát;
   - Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở GDCK Hà Nội, Hồ Chí Minh, thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước ngày định giá;
   - Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định tại điều 56 Điều lệ này.
3. Quy trình thực hiện khi một hoặc một nhóm nhà đầu tư nắm giữ ít nhất 20% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong ít nhất 180 ngày liên tiếp **("Nhà Đầu Tư Không Đồng Ý")** có ý kiến cho rằng GTTSR được định giá không chính xác so với quy định hiện hành và các quy định tại Điều Lệ Quỹ như sau:

   a. Trong trường hợp một hoặc một nhóm nhà đầu tư nắm giữ ít nhất 20% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong ít nhất 180 ngày liên tiếp **("Nhà Đầu Tư Không Đồng Ý")** cho rằng GTTSR được định giá không chính xác so với quy định hiện hành và các quy định tại Điều Lệ Quỹ , nhà đầu tư hoặc một nhóm nhà đầu tư này có thể yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ tính lại hoặc giải trình cách tính GTTSR bằng cách thông báo cho Công ty quản lý quỹ bằng văn bản trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày GTTSR của quỹ được công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty quản lý quỹ sẽ hợp tác một cách thiện chí để tính toán lại GTTRS hoặc giải trình cách tính GTTSR tới Nhà Đầu tư Không Đồng Ý..

   b. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư Không Đồng Ý vẫn cho rằng GTTSR được định giá không chính xác so với quy định hiện hành và các quy định tại Điều Lệ Quỹ sau khi đã được Công ty quản Lý Quỹ đã tính toán lại hoặc đã được giải trình tại điểm (a) điều này, trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ cung cấp GTTSR được tính toán lại hoặc cung cấp bản giải trình cách tính GTTSR, Nhà Đầu Tư Không Đồng Ý sẽ gửi thông báo cho công ty quản lý quỹ về việc sẽ mời một trong bốn tổ chức kiểm toán độc lập là Deloitte, Ernst & Young, KPMG và PricewaterhouseCoopers để tính toán lại GTTSR của quỹ. Nhà Đầu Tư Không Đồng Ý sẽ trả tất cả các chi phí liên quan đến việc định giá lại theo điều khoản này.

   c. GTTSR của quỹ được tính lại bởi Tổ chức kiểm toán theo khoản (b) điều này (và có xác nhận của Ngân hàng giám sát) có giá trị thi hành cuối cùng đối với quỹ.

   Trong trường hợp mức độ chênh lệch giữa GTTSR được định giá lại so với GTTSR của quỹ đã công bố thông tin đạt mức độ quy định tại Điều 58, Điều Lệ Quỹ thì giá dịch vụ quản lý quỹ sẽ được tính toán lại dựa trên GTTSR đã được định giá lại và ghi nhận cho quỹ theo quy định hiện hành.

   Trong trường hợp mức độ chênh lệch giữa GTTSR được định giá lại so với GTTSR của quỹ đã công bố thông tin chưa đạt đến mức độ quy định tại Điều 58, Điều Lệ Quỹ, thì giá dịch vụ quản lý quỹ sẽ được tính toán lại tính toán lại dựa trên GTTSR đã được định giá lại và ghi nhận cho quỹ vào kỳ tính GTTSR gần nhất.

   Giá dịch vụ quản lý quỹ của tháng có GTTSR phải được tính toán lại sẽ chỉ được thanh toán khi việc định giá lại GTTSR được hoàn tất. Số tiền thanh toán giá dịch vụ quản lý quỹ đó sẽ được xác định dựa trên giá trị tính toán lại của GTTSR

Điều 58. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ

Quỹ, nhà đầu tư được đền bù thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 1% giá trị tài sản ròng trở lên.

1. Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:
   a. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và đã bán chứng chỉ quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
   b. Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện vẫn còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của công ty quản lý quỹ.
2. Trong trường hợp quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:
   a. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
   b. Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
   a) Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
   b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
   c) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.
2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
   a) Công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
   b) Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.
   c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Chương XII
THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

Điều 61. Phân phối lợi nhuận

1. Quỹ VFMVSF sẽ không phân phối lợi nhuận (bao gồm nhưng không giới hạn bởi cổ tức bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc bằng tài sản).
2. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Chương XIII
GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 62. Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả

1. Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ Quỹ
   - Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVSF.

- Giá dịch vụ phát hành không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.
- Giá dịch vụ phát hành này được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối.
- Trong trường hợp công ty quản lý quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật.
- Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Giá dịch vụ mua lại
   - Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
   - Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.
   - Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ được xác định theo nguyên tắc "mua trước bán trước" (FIFO).
   - Trong trường hợp công ty quản lý quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ mua lại trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật.
   - Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.
3. Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý
   - Nhà đầu tư phải trả giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho công ty quản lý quỹ khi nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch.
   - Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.
   - Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.

     Việc thay đổi các mức giá dịch vụ sẽ được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác và đảm bảo giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
   - Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. **Giá dịch vụ quản lý quỹ**
   - Giá dịch vụ quản lý là 0,75% NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho công ty quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVSF. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý quỹ và các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho công ty quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.
   - Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
   - Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý được xác định như sau:
  Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]
- Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng tháng được trả cho công ty quản lý quỹ vào ngày làm việc thứ 14 của tháng tiếp theo.

2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát
   - Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
   - Mức giá dịch vụ giám sát, lưu ký được chi tiết trong bảng sau:

Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ (NAV/năm)	Mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VND/tháng)
Giá dịch vụ giám sát	0,02%	17.000.000 chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)
Giá dịch vụ lưu ký	NAV < 1000 tỷ: 0,04% Từ 1000 tỷ - 2000 tỷ: 0,035% 2000 tỷ < NAV: 0,03%	23.000.000 chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)

Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch,
Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....
Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.
Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
  Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:
  Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]
  Giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ
   - Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ VFMVSF trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
   - Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ được chi tiết trong bảng sau:

Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ (NAV/năm)	Mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VND/tháng)
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	NAV < 500 tỷ: 0,06% Từ 500 tỷ - 1000 tỷ: 0.05% Từ 1000 tỷ - 2000 tỷ: 0.04% Từ 2000 tỷ - 3000 tỷ: 0.03% 3000 tỷ < NAV: 0.025%	20.000.000 chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)

- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:
- Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]
  Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng
   - Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ VFMVSF chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm những dịch vụ được nêu tại Khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này.
   - Giá dịch vụ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10 triệu đồng/ tháng.
     Công thức tính giá dịch vụ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:
     Giá dịch vụ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = 10 triệu/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá
   - Giá dịch vụ thực hiện quyền là 1.000.000 đồng/1 lần cung cấp danh sách thực hiện quyền ..
   - Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

   Các loại phí, giá dịch vụ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ

Là các chi phí sau thuế do Quỹ VFMVSF chi trả, bao gồm:

1. Chi phí quản lý tài sản phải trả cho Công ty quản lý quỹ;
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát và lưu ký;
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
8. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
9. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
10. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
11. Chi về bảo hiểm (nếu có);
12. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
13. Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;

14. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
15. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban dại diện Quỹ quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương XIV
TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 65. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Điều 66. Các điều kiện tách quỹ

1. Việc tách quỹ phải được đại hội nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
   a. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
   b. Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Điều 67. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
   a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
   b. Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
   c. Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
   d. Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;
   e. Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
   f. Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
2. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm thanh lý tài sản và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư theo phương án thanh lý, giải thể quỹ được phê duyệt bởi Đại hội nhà đầu tư. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện bán toàn bộ tài sản của quỹ để thu tiền mặt và phân phối tiền thu được cho nhà đầu tư.

Chương XV
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:
   (i) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
   (ii) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVI
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 69. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được công ty Quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.
5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 70. Thay đổi điều lệ

Điều lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư, ngoại trừ trường hợp sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ. Sau khi sửa đổi, bổ sung Điều lệ trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung và cập nhật vào Điều lệ quỹ.

Điều 71. Đăng ký điều lệ

1. Bản Điều lệ này bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua và sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ VFMVEI.

   Điều lệ Quỹ VFMVEI được bổ sung và sửa đổi lần thứ hai bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam (VFMVEI) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 19/04/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/04/2019.

   Điều lệ Quỹ VFMVEI được bổ sung và sửa đổi lần thứ ba bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư Bất thường Lần 1 Năm 2019 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam (VFMVEI) thông qua ngày 08/08/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/08/2019.

   Điều lệ Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) được bổ sung và sửa đổi lần thứ tư bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư bất thường lần 2 năm 2019 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) thông qua ngày 19/09/2019, các sửa đổi bổ sung sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thay đổi tên quỹ.

   Điều lệ Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) được bổ sung và sửa đổi lần thứ năm bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2019 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn lọc (VFMVSF) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 24/4/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/4/2020.

   Điều lệ Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) được bổ sung và sửa đổi lần thứ sáu bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư bất thường lần 1 năm 2020 của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn lọc (VFMVSF) ngày 26/5/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/5/2020.

   Điều lệ Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) được bổ sung và sửa đổi lần thứ bảy bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2020 lần ... của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn lọc (VFMVSF) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày ngày ...../..../2021 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...../..../2021.

   Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:
   - 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.

- 02 bản lưu tại văn phòng của Quỹ đầu tư.
- 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ.
- 01 bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

Điều 72. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Làm tại TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TM. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

TRẦN ĐẮC SINH

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 38251488 Fax: (84-28) 38251489 Website: www.dcvfm.com.vn

Công ty quản lý quỹ DCVFM cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ VFMVSF:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
   (a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
   (b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   (c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
   (d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép;
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư;
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. Báo cáo kịp thời cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất;
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

BEAT SCHURCH
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 7/5/2015.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tuy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện Ngân hàng TNHH một thành viên
Standard Chartered (Việt Nam)

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/ vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Đại diện Công ty quản lý quỹ	**Đại diện NH TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)**
BEAT SCHURCH **Tổng Giám đốc**	